

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2013/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý dự án đầu tư ứng dụng
công nghệ thông tin có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng hoạt động công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng Công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án; Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 40/TTr-STTTT ngày 09 tháng 8 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có sử dụng
nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

1. Các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức hội - nghề nghiệp (được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước), UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) thuộc tỉnh quản lý.

2. Các dự án ứng dụng CNTT sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên hoặc lớn nhất trong tổng mức đầu tư của dự án.

3. Các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước phải thu hồi vốn mà chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi và hoàn trả vốn đầu tư.

4. Các dự án ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước trong các dự án đầu tư xây dựng công trình và các dự án đầu tư không có xây dựng công trình được quản lý như đối với một dự án CNTT độc lập (theo Khoản d, Điểm 1, Điều 1 Nghị định số 102/2009/NĐ-CP).

5. Các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA), chủ đầu tư thực hiện theo thỏa thuận tín dụng, cùng các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng nguồn vốn ODA.

6. Đầu tư các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án có mức vốn dưới 03 tỷ đồng thực hiện theo Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng

dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án.

Các dự án ứng dụng CNTT khác có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước không quy định tại Quy chế này, thực hiện theo Nghị định số 102/2009/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn khác áp dụng các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Việc quản lý đầu tư ứng dụng CNTT phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định của Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 102/2009/NĐ-CP).

2. Các nội dung đầu tư ứng dụng CNTT bằng nguồn vốn sự nghiệp phải phù hợp với Điều 7 của Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Việc sử dụng kinh phí thực hiện theo đề cương và dự toán chi tiết được người có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Điều 4. Phân loại các dự án, hạng mục, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ bản, hoặc vốn sự nghiệp có tính chất xây dựng cơ bản gồm: các dự án đầu tư mới về cơ sở hạ tầng CNTT, đầu tư ứng dụng CNTT (bao gồm cả việc đầu tư phần cứng, phần mềm, đầu tư hạ tầng mạng, đầu tư đường truyền và phát triển nguồn nhân lực) trong hoạt động quản lý của các cơ quan Đảng, nhà nước, các tổ chức đoàn thể.

2. Các hạng mục, hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn sự nghiệp

a) Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các dự án về CNTT đã đầu tư xây dựng.

b) Đầu tư duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp hiệu quả, hiệu suất hoạt động của hệ thống CNTT (bao gồm việc chi mua sắm phần cứng, phần mềm, cải tạo cơ sở vật chất và các dịch vụ liên quan khác).

c) Đầu tư triển khai ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ... (thông tin điện tử; từng bước hình thành và khai thác các kho dữ liệu điện tử; xây dựng hệ thống thông tin điện tử phục vụ cải cách hành chính nhà nước và

cung cấp dịch vụ công cho xã hội; cải tiến quy trình quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng công việc chuyên môn...).

d) Đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực CNTT.

đ) Đầu tư các hoạt động sự nghiệp CNTT khác có liên quan không thuộc quy định Khoản 1, Điều 4 của Quy chế này.

Chương II **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG** **CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Điều 5. Xây dựng kế hoạch kinh phí cho đầu tư và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin

1. Việc xây dựng kế hoạch kinh phí đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch kinh phí đối với các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và thẩm định các kế hoạch hàng năm, trung hạn và 5 năm để tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt kinh phí đầu tư.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin là cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch kinh phí đối với các dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách do huyện và xã quản lý và phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch xây dựng và thẩm định các kế hoạch hàng năm, trung hạn và 5 năm để tham mưu cho UBND cấp huyện phê duyệt kinh phí đầu tư.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án ứng dụng CNTT

1. Phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án ứng dụng CNTT trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương mình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án ứng dụng CNTT do cấp tỉnh quản lý có tổng mức đầu tư dưới 03 (ba) tỷ đồng sau khi được UBND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư bằng văn bản.

3. Ủy quyền Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án do cấp huyện quản lý sử dụng nguồn vốn sách tỉnh hỗ trợ có tổng mức đầu tư dưới 05 tỷ đồng sau khi được UBND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư bằng văn bản.

4. Chủ tịch UBND cấp huyện phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án ứng dụng CNTT sử dụng ngân sách cấp xã và ngân sách

cấp huyện hỗ trợ theo quy định hiện hành. Không được phân cấp và ủy quyền lại đối với các dự án đã được UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện.

5. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án ứng dụng CNTT đã có trong kế hoạch ứng dụng CNTT được duyệt hoặc đã có quyết định chủ trương đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý, bao gồm cả các khoản bổ sung từ ngân sách cấp trên ngoài phạm vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 của Điều này.

Điều 7. Chủ đầu tư dự án ứng dụng CNTT

Chủ đầu tư dự án ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đối với dự án ứng dụng CNTT do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho đơn vị quản lý, sử dụng sản phẩm của dự án làm chủ đầu tư. Trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng sản phẩm của dự án không đủ điều kiện về tổ chức, nhân lực, thời gian và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư hoặc chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng sản phẩm của dự án thì người có thẩm quyền quyết định đầu tư lựa chọn đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

Trường hợp không xác định được đơn vị để giao làm chủ đầu tư theo quy định nêu trên thì việc xác định chủ đầu tư được thực hiện như sau:

- Người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng thời làm chủ đầu tư;

- Người có thẩm quyền quyết định đầu tư giao cho Ban quản lý dự án do mình quyết định thành lập làm chủ đầu tư nếu Ban quản lý dự án đó có tư cách pháp nhân và có đủ điều kiện tổ chức triển khai thực hiện dự án hoặc người có thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện ủy thác thông qua hợp đồng với một tổ chức có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

Đối với dự án ứng dụng CNTT sử dụng vốn hỗn hợp thì chủ đầu tư do các thành viên góp vốn thỏa thuận cử ra hoặc là đại diện của bên có tỷ lệ góp vốn cao nhất.

Điều 8. Chuẩn bị đầu tư

1. Nội dung công việc chuẩn bị đầu tư bao gồm:

a) Nghiên cứu về sự cần thiết phải đầu tư và quy mô đầu tư.

b) Xem xét khả năng về nguồn cung ứng thiết bị, nguồn vốn đầu tư và lựa chọn hình thức đầu tư.

c) Tiến hành điều tra, khảo sát phục vụ lập dự án và chọn địa điểm đầu tư.

d) Lập dự án ứng dụng CNTT (đối với đầu tư các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án thì lập đề cương và dự toán chi tiết theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông).

đ) Gửi hồ sơ dự án và văn bản trình đến người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan thẩm định dự án, đề cương và dự toán chi tiết.

2. Việc thực hiện công tác khảo sát phục vụ lập dự án thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Nghị định số 102/2009/NĐ-CP.

3. Lập dự án ứng dụng CNTT

a) Đối với các dự án nhóm A, chủ đầu tư tổ chức lập dự án khả thi ứng dụng CNTT. Đối với dự án nhóm B, C chủ đầu tư tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Dự án nhóm C có mức vốn đầu tư từ 03 tỷ đồng trở xuống chỉ phải lập báo cáo đầu tư và chịu trách nhiệm về các nội dung yêu cầu được đưa ra trong hồ sơ dự án. Trường hợp cần thiết chủ đầu tư có thể thuê các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm để lập dự án. Chi phí lập dự án được tính vào chi phí tư vấn đầu tư trong tổng mức đầu tư.

b) Nội dung, hồ sơ trình duyệt dự án khả thi ứng dụng CNTT, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư dự án áp dụng theo quy định của Nghị định số 102/2009/NĐ-CP và các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 9. Hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án

1. Đối với các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án thì lập đề cương và dự toán chi tiết được áp dụng cho các trường hợp đầu tư nâng cấp, mở rộng khả năng ứng dụng công nghệ thông tin hiện có (bao gồm cả việc đầu tư mới các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin thuộc hệ thống đã có) sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có mức vốn dưới 03 tỷ đồng, bao gồm:

a) Phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ.

b) Mua sắm, nâng cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị công nghệ thông tin (phần mạng, phần cứng, phần mềm thương mại) nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có tổng giá trị trên 100 triệu đồng.

2. Lập đề cương và dự toán chi tiết

a) Nội dung đề cương và dự toán chi tiết theo hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08 tháng 9 năm 2010 về quy định lập đề

cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án.

b) Hồ sơ trình duyệt đề cương và dự toán chi tiết gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết (theo mẫu hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông): 01 bản gốc;

+ Đề cương và dự toán chi tiết: 02 hồ sơ bản cứng và 01 đĩa CD ghi nội dung đề cương và dự toán chi tiết;

+ Quyết định chỉ định đơn vị tư vấn lập đề cương và dự toán chi tiết (nếu thuê tư vấn);

+ Quyết định giao dự toán của cấp có thẩm quyền (bản sao);

+ Các tài liệu khác liên quan đến dự án theo yêu cầu (nếu có).

Điều 10. Thẩm quyền thẩm định dự án, đề cương và dự toán chi tiết

1. UBND tỉnh tổ chức thẩm định dự án khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư các dự án ứng dụng CNTT nhóm A, nhóm B, nhóm C do UBND tỉnh quyết định đầu tư. Đầu mỗi thẩm định dự án là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. UBND cấp huyện tổ chức thẩm định dự án hoặc đề cương, dự toán chi tiết do mình quyết định đầu tư. Đầu mỗi thẩm định là đơn vị có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách trực thuộc đơn vị có thẩm quyền quyết định đầu tư.

3. UBND cấp xã tổ chức thẩm định dự án hoặc đề cương, dự toán chi tiết do mình quyết định đầu tư. Đầu mỗi thẩm định là đơn vị có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách trực thuộc đơn vị có thẩm quyền quyết định đầu tư.

4. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định đề cương và dự toán chi tiết các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án của các đơn vị không thuộc Khoản 2, Khoản 3, Điều này.

5. Trình tự và thời gian thẩm định dự án ứng dụng CNTT

a) Đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến thẩm định thiết kế sơ bộ của đơn vị có thẩm quyền quy định tại Điều 11 Quy chế này, đồng thời lấy ý kiến của các cơ quan liên quan để thẩm định dự án. Đơn vị đầu mỗi thẩm định không đồng thời làm chủ đầu tư dự án mà mình được giao thẩm định.

Trường hợp cần thiết đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án có thể thuê các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để tư vấn thẩm định dự án. Chi phí thuê tư vấn thẩm định được trích từ lệ phí thẩm định dự án.

b) Trong quá trình thẩm định dự án, đơn vị đầu mỗi thẩm định dự án có quyền yêu cầu chủ đầu tư giải trình, bổ sung hồ sơ dự án nhằm làm rõ các nội dung cần thẩm định theo quy định của quy chế này và của các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Đơn vị đầu môi tổng hợp các nội dung thẩm định, các ý kiến thẩm định thiết kế sơ bộ, các ý kiến của các cơ quan liên quan, nhận xét, đánh giá, kiến nghị và trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

d) Thời gian thẩm định dự án (kể cả thời gian thẩm định thiết kế sơ bộ) không quá 60 ngày làm việc đối với các dự án nhóm A, 30 ngày làm việc với các dự án B, 20 ngày làm việc với các dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp đặc biệt, thời gian thẩm định dự án có thể dài hơn nhưng phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

Điều 11. Thẩm quyền thẩm định thiết kế sơ bộ

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia và các dự án nhóm A trình Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế sơ bộ theo thẩm quyền.

2. Đối với dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư thì Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế sơ bộ.

3. Trường hợp cần thiết, đơn vị thẩm định thiết kế sơ bộ có thể thuê các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để tư vấn thẩm định. Chi phí thuê tư vấn thẩm định được trích từ lệ phí thẩm định dự án.

4. Thời gian thẩm định thiết kế sơ bộ không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 12. Thẩm định và phê duyệt thiết kế thi công, tổng dự toán

1. Chủ đầu tư đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế thi công và tổng dự toán, trên cơ sở đó lấy kết quả thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông để phê duyệt thiết kế thi công và tổng dự toán dự án. Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công và tổng dự toán chỉ thực hiện một bước, không tách riêng thiết kế thi công với tổng dự toán.

2. Riêng các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư theo thẩm quyền được UBND tỉnh giao, Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, phê duyệt thiết kế thi công và tổng dự toán.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, tổng hợp kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về nội dung cụ thể của thiết kế sơ bộ, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư và thuyết minh hạng mục, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính quản lý đơn giá trong lĩnh vực ứng dụng CNTT; chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan quản lý các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng thiết bị công trình sản phẩm CNTT.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ tiến độ và kết quả thực hiện các dự án, hạng mục, nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư hàng năm và các nhiệm vụ khác theo đúng phân cấp ủy quyền được giao.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh dành cho các dự án ứng dụng CNTT, báo cáo Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh, UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh phê duyệt hàng năm.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cân đối kinh phí sự nghiệp từ ngân sách tỉnh cho các dự án, hạng mục, nhiệm vụ ứng dụng CNTT, báo cáo Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh, UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh phê duyệt hàng năm.

2. Thẩm tra phương án phân bổ dự toán chi ngân sách; thực hiện thẩm tra quyết toán của các Sở, ngành theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có dự án ứng dụng CNTT được phê duyệt

1. Căn cứ vào hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông các cơ quan, địa phương liên quan có dự án ứng dụng CNTT được phê duyệt, chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện dự án, hạng mục, nhiệm vụ ứng dụng CNTT của đơn vị mình, cấp mình.

2. Chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch hàng năm theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ tiến độ và tính hiệu quả của việc ứng dụng CNTT, thực hiện việc báo cáo, kiểm tra, giám sát đánh giá nghiệm thu theo quy định tại Quy chế này.

3. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí đã được cấp để thực hiện dự án, hạng mục, nhiệm vụ ứng dụng CNTT đúng mục đích, có hiệu quả và thanh toán, quyết toán phần kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành về tài chính.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này và quy định khác của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT được khen thưởng theo chế độ thi đua, khen thưởng hiện hành. Nếu vi phạm quy định tại Quy chế này và quy định khác của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, địa phương căn cứ các quy định của pháp luật và Quy chế này triển khai thực hiện cho phù hợp với từng cơ quan, địa phương.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; theo dõi, kiểm tra và định kỳ báo cáo UBND tỉnh quá trình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Cường